

Biến động dân số tỉnh Thái Nguyên dưới cách tiếp cận hệ thống thông tin địa lý

Lê Thu Quỳnh¹, Nguyễn Xuân Hòa², Đặng Thành Trung³

^{1, 2, 3} Viện Địa lý nhân văn, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: hoacodeco@yahoo.com

Nhận ngày 8 tháng 9 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 16 tháng 11 năm 2020.

Tóm tắt: Thái Nguyên là trung tâm công nghiệp lớn của miền Bắc, là một trong 5 tỉnh dẫn đầu cả nước về phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp. Do vậy, tỉnh Thái Nguyên đã thu hút một lượng lớn lao động đổ về đây tìm kiếm việc làm. Lượng lao động di cư tới kết hợp với sự bùng nổ dân số nội tại tạo ra những biến động mạnh mẽ về dân số của Thái Nguyên trong những năm gần đây. Điều này đã tạo ra nhiều khó khăn cho tỉnh về mặt cơ sở hạ tầng, an sinh xã hội cũng như những thay đổi trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Nghiên cứu này sử dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) để phân tích, đánh giá hiện trạng, xu hướng biến động dân số tỉnh Thái Nguyên tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng, an sinh xã hội và định hướng phát triển đô thị Thái Nguyên.

Từ khóa: Biến động dân số, dân số, hệ thống thông tin địa lý, Thái Nguyên.

Phân loại ngành: Địa lý học

Abstract: Thai Nguyen is a major industrial centre in Northern Vietnam and one of the top five provinces in the country in terms of industrial zone infrastructure development. The province has therefore attracted a large number of labourers to come here to look for jobs. The inflow of migrant workers combined with the internal population explosion has created sharp demographic changes in the province in recent years. That has posed multiple difficulties to Thai Nguyen in terms of infrastructure, social protection as well as changes made to the socio-economic development plan. This study uses the geographic information system (GIS) to analyse and evaluate the current situation and trend of demographic changes in Thai Nguyen Province, which have been affecting its socio-economic development, infrastructure, social protection and the orientation for its urban development.

Keywords: Demographic changes, population, geographic information system, Thai Nguyen.

Subject classification: Geography

1. Mở đầu

Năm 2019, Thái Nguyên là đơn vị hành chính Việt Nam xếp thứ 27 về số dân, xếp thứ 14 về Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP), xếp thứ 12 về GRDP bình quân đầu người, đứng thứ 9 về tốc độ tăng trưởng GRDP. Trong khoảng thời gian từ năm 1999 đến 2019, dân số tỉnh Thái Nguyên không ngừng có nhiều biến động, tốc độ gia tăng dân số (bao gồm cả tự nhiên và cơ học) thường cao hơn mức trung bình của cả nước. Từ năm 2014 trở lại đây, dân số tỉnh Thái Nguyên có nhiều mức tăng đột biến, đặc biệt kể từ khi công ty Samsung Electronics Việt Nam đi vào hoạt động đã thu hút hàng nghìn lượt lao động đổ về đây sinh sống và tìm kiếm việc làm. Sự phát triển nhanh và mạnh về kinh tế cùng với sự mở rộng của các khu công nghiệp, khu chế xuất, kèm theo đó là sự tập trung dân cư tại các khu, cụm công nghiệp này, đã gây ra những tác động tới sự phát triển của dân số nói riêng và của quá trình phát triển kinh tế - xã hội nói chung của tỉnh Thái Nguyên.

Vấn đề bùng nổ dân số với nguyên nhân chủ yếu là quá trình tăng dân số cơ học trong một thời gian ngắn đã có những sức ép không hề nhỏ đến hệ thống cơ sở hạ tầng, an sinh xã hội, làm xáo trộn toàn bộ những định hướng về không gian phát triển của tỉnh, tốc độ đô thị hóa luôn đứng hàng cao nhất trong các tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc đã làm thay đổi cấu trúc quỹ đất, quỹ hoạch phát triển nhà ở... Số lượng lớn dân cư từ nơi khác đến đây cũng gây ra những ảnh hưởng tới vấn đề an ninh trật tự, tắc nghẽn giao thông, môi trường sống và làm phức tạp thêm các tình hình về tệ nạn xã hội trên địa bàn tỉnh. Bài viết này phân tích thực trạng biến động dân số,

những tác động và xu hướng biến động dân số tỉnh Thái Nguyên dựa trên sự hỗ trợ của công nghệ GIS.

2. Thực trạng biến động dân số tỉnh Thái Nguyên

2.1. Gia tăng dân số

Tính đến thời điểm 0h ngày 1/4/2019, dân số tỉnh Thái Nguyên là 1.286.751 người, đứng thứ 27 toàn quốc và đứng thứ 3 trong các tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc. Sau 10 năm (2009-2019), dân số tỉnh Thái Nguyên tăng 163.635 người, tỷ lệ tăng dân số bình quân là 1,36%/năm (cao hơn so với bình quân cả nước là 1,14%/năm). Trong đó khu vực thành thị tăng bình quân 3,56%/năm và khu vực nông thôn tăng 0,48%/năm [1], [2].

Thái Nguyên có tốc độ tăng dân số cao hơn bình quân chung cả nước và cao hơn giai đoạn 10 năm trước (1999-2009) chủ yếu là do có sự di chuyển từ các tỉnh khác đến nhập cư vào Thái Nguyên để tham gia lao động làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (doanh nghiệp FDI), trong đó tăng đột biến ở các năm 2014 và 2015 (3,59%) khi trên địa bàn có các dự án đầu tư nước ngoài sản xuất các sản phẩm điện tử, viễn thông tăng năng lực và đi vào sản xuất.

Tốc độ tăng dân số giữa các đơn vị cấp huyện trong giai đoạn 2009-2019 là rất khác nhau, ngoài nguyên nhân do yếu tố kinh tế phát triển đã tác động đến tốc độ gia tăng dân số cơ học còn do yếu tố thay đổi, điều chỉnh đơn vị hành chính cấp huyện. Trong đó, thị xã Phổ Yên có tốc độ tăng dân số nhanh nhất (4,25%/năm sau 10 năm)

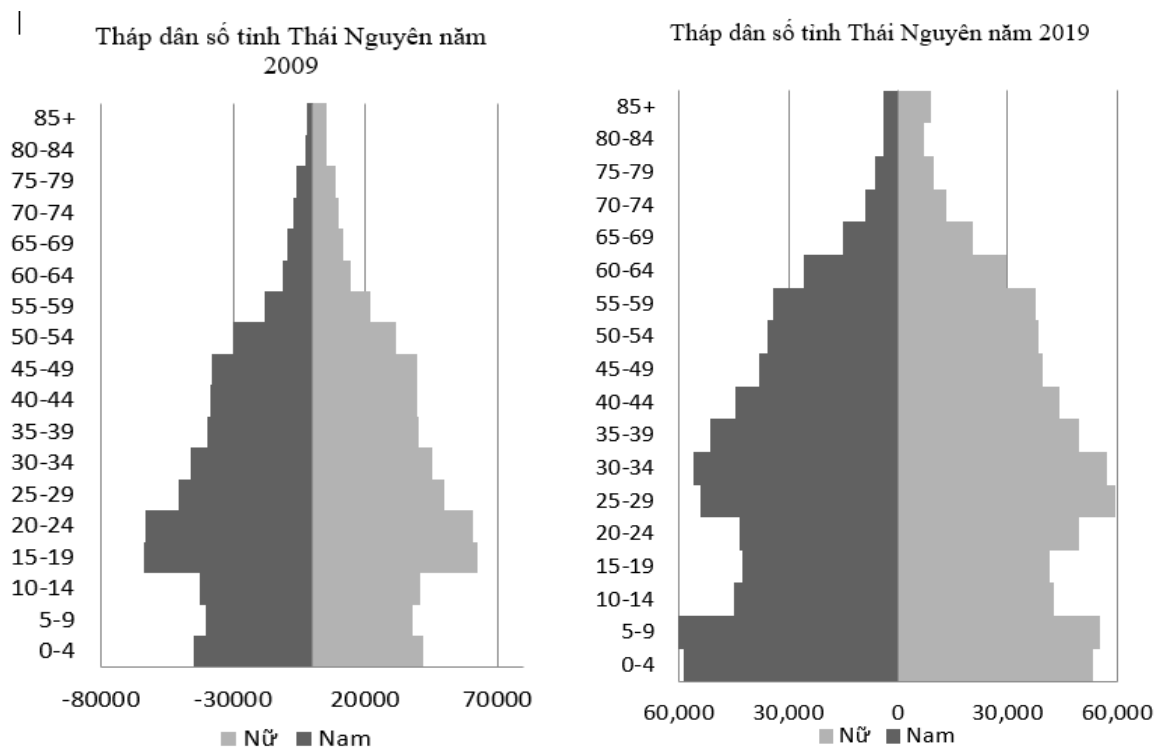
do tác động của gia tăng lao động đến cư trú tại đây để làm việc cho các doanh nghiệp FDI; đứng thứ hai sau thị xã Phổ Yên là thành phố Sông Công (tăng 4,02%/năm), do thành phố Sông Công được điều chỉnh tăng thêm 1 đơn vị hành chính từ thành phố Thái Nguyên chuyển về (phường Lương Sơn với dân số 12.8 nghìn người).

2.2. Biến động về cơ cấu dân số

a) Biến động cơ cấu dân số theo giới tính và độ tuổi

Cơ cấu dân số về giới tính của tỉnh Thái Nguyên khá ổn định, theo kết quả Tổng

điều tra dân số và nhà ở năm 2019 cho thấy, tỷ số giới tính của tỉnh Thái Nguyên là 95,7 nam/100 nữ. Trong đó, tỷ số giới tính khu vực thành thị là 88,7 nam/100 nữ, khu vực nông thôn là 99,1 nam/100 nữ. Tỷ số giới tính của tỉnh Thái Nguyên qua các kỳ Tổng điều tra dân số đều ở mức dưới 100 (tức là tổng dân số nam ít hơn tổng dân số nữ) và có xu hướng giảm dần. Nguyên nhân chủ yếu qua số liệu thống kê dân số cho thấy tuổi thọ dân số nam thấp hơn tuổi thọ của dân số nữ; bên cạnh đó tỉnh Thái Nguyên những năm gần đây thu hút nhiều lao động nữ đến làm việc tại các khu công nghiệp.



Hình 1: Tháp dân số tỉnh Thái Nguyên năm 2009 và 2019 [1, 2]

Tỷ số giới tính ở từng huyện có sự chênh lệch khác nhau. Nguyên nhân chủ yếu có sự

khác biệt là những địa phương nào có tập trung nhiều khu công nghiệp, thu hút nhiều

lao động nữ tham gia vào các ngành sản xuất hàng may mặc hoặc lắp ráp điện thoại di động, linh kiện điện tử thì nơi đó có tỷ số giới tính thấp. Cụ thể là, thị xã Phổ Yên có tỷ lệ dân số là nữ cao nhất (chiếm 53,8% trong tổng dân số của thị xã) nên tỷ số giới tính thấp nhất toàn tỉnh với mức là 85,9 nam/100 nữ.

Cũng giống như một số tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc, Thái Nguyên cũng đang phải đối mặt với tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh. Nên Tuy nhiên, tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện khắt khe một số biện pháp nhằm ngăn chặn sự mất cân bằng giới tính khi sinh, nên tỷ số này có chiều hướng giảm dần khi năm 2018 còn 113 bé trai/100 bé gái và năm 2019 là 110 bé trai/100 bé gái, tiệm cận với tỷ số chung của cả nước [3].

Tháp dân số của tỉnh Thái Nguyên năm 2009 và 2019 (hình 1) cho thấy, dân số Thái Nguyên vẫn trong giai đoạn dân số vàng, song phần đỉnh tháp đang mở rộng ra thể hiện dân số đang có xu hướng già hóa. Tuy nhiên, phần giữa tháp mở rộng cho thấy nguồn lao động cả tỉnh vẫn dồi dào và đáp ứng được nhu cầu về lao động của địa phương trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Cơ cấu dân số theo độ tuổi phản ánh chất lượng các lớp người về độ tuổi, thể chất và xu thế, khả năng lao động và vị trí xã hội khác nhau cũng như khả năng sinh đẻ, mức độ tử vong... Nhóm tuổi dưới độ tuổi lao động (0-14 tuổi) là độ tuổi còn sống phụ thuộc; nhóm tuổi này cần được chăm sóc và học tập vì đây là nguồn lao động dự trữ, lực lượng lao động có kỹ thuật phục vụ cho sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, vốn phụ thuộc vào độ tuổi này. Dân số trong nhóm tuổi này vẫn có xu hướng tăng lên -

từ 23% (năm 2009) lên 24% (năm 2019). Dân số trong độ tuổi lao động (từ 15-59 tuổi): đây là độ tuổi trụ cột tham gia hoạt động lao động, sản xuất, gánh vác xã hội và gia đình, dân số trong độ tuổi này chiếm 69,38% (năm 2009) và có xu hướng giảm còn 64% năm 2019. Dân số trên độ tuổi lao động (trên 60 tuổi) đã và đang có xu hướng tăng lên: từ 8,45% (năm 2009) lên 12% (năm 2019).

b) Biến động cơ cấu dân số theo thành thị và nông thôn

Tỷ lệ dân số thành thị chiếm tỷ trọng nhỏ hơn trong cơ cấu dân số, nhưng có xu hướng tăng lên trong giai đoạn hiện nay. Năm 2009, dân số thành thị chỉ chiếm 24% dân số, con số này tăng lên 28,06% năm 2012 và 35% năm 2018. Những năm gần đây do tốc độ phát triển nhanh của công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn tỉnh kéo theo quá trình đô thị hóa đã làm tỷ lệ dân thành thị tăng lên một cách nhanh chóng. Dân số thành thị tập trung chủ yếu ở thành phố Thái Nguyên (83,7%), thành phố Sông Công (71,2%), thị xã Phổ Yên (28,1%); còn lại các huyện khác tỷ lệ này thấp hơn [4], [5]. Dân số nông thôn vẫn chiếm tỷ lệ cao trong tổng dân số, do trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, ngành nông nghiệp vẫn là thế mạnh và chiếm vị trí chủ yếu, tỷ trọng ngành nông nghiệp có giảm nhưng vẫn chiếm khoảng 50% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Thái Nguyên có 9 đơn vị hành chính cấp huyện và 13 đô thị, đó là 1 đô thị loại I, 1 đô thị loại III, 1 đô thị loại IV và các đô thị còn lại là đô thị loại V. Cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thời gian qua tốc độ đô thị hóa của tỉnh Thái Nguyên diễn ra khá nhanh. Điều này đã, đang ảnh hưởng mạnh mẽ tới đời sống của người dân

trên địa bàn. Những thay đổi diễn ra trên tất cả các lĩnh vực, từ cơ cấu sử dụng đất, cơ cấu kinh tế, nghề nghiệp, lao động việc làm, nguồn thu nhập, mức sống đến nhà ở, cơ sở hạ tầng, từ đời sống vật chất đến đời sống tinh thần của người dân. Quá trình đô thị hóa đã tác động rõ nét đến kinh tế và thu nhập của người dân ở các đô thị, như thu nhập bình quân của mỗi hộ gia đình ở thành phố Sông Công tăng 39,2 triệu đồng trong giai đoạn từ năm 2015 đến 2017 (từ 140,8 triệu đồng/hộ/năm lên 180 triệu đồng/hộ/năm) [8].

Đô thị hóa cũng có những tác động đến tốc độ tăng trưởng kinh tế của các đô thị, và nền kinh tế cũng chuyển đổi theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng dịch vụ, thương mại và công nghiệp trong GDP. Người dân đô thị đã chuyển đổi phương thức sản xuất, ngành nghề từ nông nghiệp sang kinh doanh dịch vụ. Ngoài ra, đô thị hóa không chỉ làm thay đổi phương thức sản xuất tiến hành các hoạt động kinh tế, mà còn tạo sự thay đổi lớn trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và cá nhân, trong đó có các quan hệ xã hội, các mô hình hành vi và ứng xử tương ứng với điều kiện sống công nghiệp hóa, đô thị hóa và hiện đại hóa. Đối với người dân, khi kinh tế gia đình phát triển, mức sống được nâng lên, cuộc sống được cải thiện, họ có điều kiện hưởng thụ và chăm lo cho cuộc sống của bản thân và gia đình tốt hơn, điều kiện sinh hoạt văn hóa tăng lên. Trong quá trình đô thị hóa, trình độ văn hóa cũng là một yếu tố tác động rõ rệt đến khả năng thích ứng của người lao động. Người có trình độ văn hóa càng cao thì càng có khả năng tìm được việc và có ý thức hơn trong triển khai công việc, tích cực, chủ động để thích ứng với những yêu cầu mới của công việc. Bên cạnh

đó, việc tập trung số lượng lớn dân nhập cư từ các nơi khác về (sinh viên các trường đại học, cao đẳng; lao động tại các khu công nghiệp Samsung, Diêm Thụy, Sông Công; việc thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, các nhà đầu tư trong nước...) vô hình chung tạo nên hiện tượng văn hóa đa màu sắc. Người dân địa phương đón nhận các luồng văn hóa khác nhau và dân nhập cư tiếp cận với văn hóa địa phương. Mặt khác, sự khác biệt về tôn giáo, dân tộc, thói quen, tập quán, quan niệm sống... cũng là những yếu tố ảnh hưởng đến đảm bảo an ninh, trật tự và ổn định xã hội.

Ngoài những mặt tích cực trên, tại các đô thị vẫn tồn tại một số vấn đề, như: diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp; tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm gia tăng; sự chuyển đổi nghề nghiệp của người dân chưa bắt kịp với tốc độ phát triển kinh tế; cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư một cách đồng nhất, một số lĩnh vực còn chậm thay đổi. Một bộ phận nông dân chưa tận dụng được cơ hội của quá trình đô thị hóa để thay đổi và duy trì phương thức sản xuất cũ, nên thu nhập của họ không thay đổi nhiều...

c) Biến động cơ cấu dân số theo lao động và nghề nghiệp

Dân số trong độ tuổi lao động của Thái Nguyên tăng cả về số lượng và tỷ trọng. Hàng năm, một lượng lớn lao động từ các vùng nông thôn của tỉnh và các tỉnh khác vào các khu công nghiệp của tỉnh làm việc. Tại các khu công nghiệp có đến 60% lao động ngoại tỉnh (riêng Samsung là 80% [9]) làm việc đã bổ sung lực lượng lao động cho tỉnh, nhưng cũng làm gia tăng áp lực ngày càng lớn đối với việc đào tạo nghề, tạo việc làm và nhà ở cho người lao động.

Việc sử dụng lao động theo thành phần kinh tế có những thay đổi quan trọng,

sự chuyển dịch lao động từ khu vực nhà nước sang khu vực kinh tế ngoài quốc doanh và doanh nghiệp FDI diễn ra phù hợp với quá trình phát triển kinh tế của tỉnh; nhất là lao động trong khu vực doanh nghiệp FDI có sự tăng trưởng khá lớn: từ 0,8% (năm 2010) lên 15,0% (năm 2018) do có sự đầu tư của một số tập đoàn nước ngoài vào nền kinh tế của tỉnh.

Số lao động làm việc trong các khu vực kinh tế có sự chuyển dịch cùng với xu hướng chuyển dịch của cơ cấu kinh tế của tỉnh. Cơ cấu lao động trong ngành nông - lâm nghiệp - thủy sản có sự giảm đáng kể từ 66,72% năm 2010 xuống còn 40,67% năm 2018; cùng với đó là sự tăng lên của lao động trong các ngành công nghiệp và xây dựng (từ 15,61% năm 2010 lên 32,12% năm 2018), ngành dịch vụ (từ 17,67% năm 2010 lên 27,21% năm 2018) [5], [6].

Theo số liệu điều tra lao động năm 2017, số lao động chưa được đào tạo chiếm 22,3%; lao động được đào tạo dưới 3 tháng là 9,7%; lao động đào tạo sơ cấp là 23,7%; lao động có trình độ trung cấp là 12,2%; lao động có trình độ cao đẳng là 7,2%; lao động có trình độ trên đại học là 18% và lao động có trình độ khác chiếm 6,9%. Điều đó, cho thấy chất lượng lao động của tỉnh đang ngày càng được nâng cao, đội ngũ có kỹ thuật ngày càng đông đảo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

2.3. Biến động về chất lượng dân số

Chất lượng dân số đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển của quốc gia nói chung và tỉnh Thái Nguyên nói riêng, nó quyết định sự phát triển nhanh hay chậm, bền vững hay không của nền kinh tế và đời

sống xã hội của tỉnh. Thái Nguyên là một tỉnh khác có chất lượng dân số cao hơn so với các tỉnh khác thuộc vùng trung du và miền núi phía Bắc, nhưng so với trung bình cả nước thì vẫn còn ở mức thấp. Chất lượng dân số được phản ánh thông qua nhiều tiêu chí như tuổi thọ, trình độ học vấn, thu nhập của người dân...

a) Tuổi thọ trung bình

Tuổi thọ trung bình dân số tỉnh Thái Nguyên ngang bằng với mức của cả nước và cao hơn so với trung bình của vùng trung du và miền núi phía Bắc. Tuổi thọ trung bình của dân số tăng từ 72,9 tuổi năm 2009 lên 73,6 tuổi năm 2019 (tăng thêm 0,7 tuổi). Điều này thể hiện sự phát triển của xã hội, các dịch vụ y tế và dịch vụ chăm sóc người già phát triển nhanh và mạnh. Trong đó, về tuổi thọ trung bình năm 2019 theo giới tính, nữ giới là 76,4 tuổi, nam giới là 70,9 tuổi.

Mặc dù tuổi thọ trung bình của tỉnh khá cao, nhưng tuổi thọ bình quân khỏe, mạnh còn thấp; người cao tuổi thường mắc từ 2 đến 4 bệnh mãn tính. Do đó để đạt được các mục tiêu nâng cao chất lượng dân số, tỉnh cần quan tâm hơn nữa đến việc phát triển mạng lưới chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về số lượng, chất lượng theo những cấp độ khác nhau; cần mở rộng việc cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại nhà và cộng đồng thông qua mạng lưới tính nguyện viên, cộng tác viên và nhân viên chăm sóc được đào tạo. Ngoài ra, tỉnh cũng nên khuyến khích thành lập đơn nguyên Lão khoa tại các bệnh viện tuyến tỉnh và trung tâm y tế tuyến huyện; nâng cao năng lực cho các nhân viên y tế lão khoa tại các cơ sở khám chữa bệnh thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng cho người cao tuổi.

b) Trình độ học vấn

Tỷ lệ người lớn biết chữ ở Thái Nguyên tương đối cao và có sự tiến bộ, năm 1999 tỷ lệ này đạt 95,4%, đến năm 2009 tăng lên 97,3% và năm 2018 tăng lên 98,3%. Tỷ lệ này cũng có sự khác biệt theo giới và theo thành thị, nông thôn; tỷ lệ nam giới biết chữ luôn cao hơn nữ giới và tỷ lệ biết chữ ở dân thành thị luôn cao hơn ở khu vực nông thôn.

Thái Nguyên là trung tâm giáo dục và đào tạo của khu vực trung du và miền núi phía Bắc. Tại đây có 9 trường đại học, 14 trường cao đẳng, 10 trường trung cấp chuyên nghiệp, nhiều cơ sở dạy nghề với đội ngũ cán bộ vững mạnh, được đào tạo có tay nghề và trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, hàng năm cung cấp cho vùng nguồn lao động có chất lượng và đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

c) Thu nhập bình quân của người dân

Thu nhập bình quân đầu người một tháng thực tế có xu hướng tăng tương đối nhanh: từ 850.700 đồng năm 2009 lên 4.015.000 đồng năm 2018. Trong đó mức thu nhập ở thành thị cao hơn so với nông thôn. Năm 2018, thu nhập bình quân đầu người ở khu vực thành thị là 5.706.000 đồng (cao hơn mức bình quân toàn tỉnh 1.691.000 đồng) và ở nông thôn là 3.219.200 đồng. Chênh lệch giữa nhóm có thu nhập cao nhất và nhóm thu nhập thấp nhất lên đến 8,5 lần.

Những năm gần đây do phát triển kinh tế nông thôn, giải quyết việc làm nên mức chênh lệch này đã và đang được rút ngắn dần, thu nhập bình quân ở cả hai khu vực đều có xu hướng tăng khá nhanh. Ngoài những tiêu chí trên, chất lượng dân số còn được phản ánh qua nhiều chỉ số khác, như: tỷ lệ hộ nghèo, an toàn xã hội, mức chi tiêu...

Nhìn chung trên toàn tỉnh, trong giai đoạn từ năm 2009 đến nay, số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020) vẫn còn cao nhưng đã có xu hướng giảm rõ rệt, năm 2018, tỷ lệ này là 6,39%, giảm 2,61% so với năm 2017. Tỷ lệ hộ nghèo cũng có sự khác nhau giữa các địa phương trong tỉnh, những huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao là Võ Nhai (19,48%), Định Hóa (14,37%), Đồng Hỷ (12,39%); tỷ lệ này thấp hơn ở thành phố Thái Nguyên (1,28%), thành phố Sông Công (2,9%), thị xã Phổ Yên (3,72%). Trong những giai đoạn tiếp theo, tỉnh Thái Nguyên tiếp tục phấn đấu giảm số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo xuống mức thấp hơn bằng các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo... nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dân số và đời sống dân cư [1], [2], [3].

3. Tác động của biến động dân số đến sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên

3.1. Tác động đến sự phát triển kinh tế

Trên địa bàn tỉnh, cả dân số và tăng trưởng kinh tế đều biến động theo xu hướng cùng tăng trong giai đoạn 2009-2018. Giai đoạn 4 năm 2009-2012, tốc độ tăng GDP bình quân đạt 2,52 %/năm, dân số giảm 0,1 %/năm. Giai đoạn 2012-2018, tốc độ gia tăng dân số không đổi (0,99%), trong khi tốc độ tăng trưởng GDP tăng 2,4%. Như vậy, tốc độ tăng trưởng GDP luôn cao hơn tốc độ tăng dân số góp phần nâng cao mức sống dân cư và đảm bảo được việc làm cho số lao động tăng thêm. Trong những năm qua, GDP tăng cao và ổn định đã cải thiện đáng kể đời sống vật chất của người dân

tỉnh Thái Nguyên, thể hiện qua tốc độ tăng GDP bình quân đầu người - tăng dần qua các năm, năm 2009 là 2,09%, đến năm 2017 tăng lên 5,35%.

Dân số trẻ và tăng nhanh cùng với nguồn lao động dồi dào góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh làm tăng sản xuất của cải vật chất, làm cho đời sống nhân dân không ngừng tăng lên.

Tỷ lệ dân số phụ thuộc của tỉnh đã giảm từ 38,7% năm 2009 xuống 36,4% năm 2019, cho thấy gánh nặng kinh tế đối với nhóm dân số trong độ tuổi lao động đã giảm xuống, tạo điều kiện cho tích lũy, tiết kiệm tăng, góp phần tăng đầu tư tái sản xuất phát triển kinh tế

3.2. Tác động đến các vấn đề xã hội

Quy mô và tốc độ gia tăng dân số ảnh hưởng đến sự phát triển của hệ thống y tế và các điều kiện chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Quy mô và tốc độ gia tăng dân số tác động trực tiếp đến nhu cầu khám và chữa bệnh, quyết định quy mô của hệ thống y tế như số lượng cơ sở y tế, số giường bệnh, số bác sĩ... Thái Nguyên có dân số ngày càng tăng, vì vậy, nhu cầu chăm sóc y tế tăng lên đòi hỏi hệ thống y tế phải tăng theo.

Dân số Thái Nguyên, mặc dù vẫn đang trong giai đoạn cơ cấu dân số vàng, nhưng quá trình già hóa vẫn đang diễn ra nhanh chóng thể hiện ở tỷ lệ người già (trên 65 tuổi) trong dân số đang có sự tăng lên (từ 4,9% năm 2009 lên 7,6% năm 2019). Già hóa dân số gây nên những sức ép không nhỏ đến hệ thống an sinh xã hội, y tế, chăm sóc sức khỏe người già.

Quy mô dân số và lao động ảnh hưởng rất lớn đến giáo dục. Quy mô dân số tăng hoặc giảm ảnh hưởng trực tiếp đến quy mô

của ngành giáo dục. Quy mô, tốc độ tăng dân số hàng năm và cơ cấu dân số sẽ phản ánh nhu cầu đi học của người dân. Dân số tăng nhanh không những làm tăng số trẻ em đến tuổi đi học, làm tăng số học sinh phổ thông mà còn làm tăng nhu cầu học nghề và học đại học. Trong giai đoạn phát triển kinh tế này thì việc nâng cao chất lượng giáo dục cho người dân và đào tạo đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật là yêu cầu cấp thiết. Trong sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia, ngoài sức lao động cơ bản của con người, việc nâng cao chất lượng, tiềm năng con người cũng đóng góp một phần đáng kể vào việc nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm.

Quá trình di dân Thái Nguyên đã góp phần tăng tỷ lệ thị dân, đẩy nhanh quá trình đô thị hóa của tỉnh trong những năm gần đây. Đồng thời, với sự nới rộng khu vực nội thành, lập ra các phường mới đã góp phần giảm tỷ trọng dân số nông thôn, tăng dân số thành thị ở Thái Nguyên. Sự phát triển của đô thị với dân số quá đông sẽ kéo theo hàng loạt các hệ lụy gây khó khăn về phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng như cấp điện, cấp nước, xử lý và thoát nước thải, thu gom chất thải, mạng lưới giao thông đô thị đối nội và đối ngoại. Thái Nguyên đang đối mặt với rất nhiều khó khăn cần giải quyết: vấn đề nhà ở, điện nước, mạng lưới giao thông trở nên quá tải, môi trường bị ô nhiễm nặng...

4. Xu hướng biến động dân số tỉnh Thái Nguyên

Kết quả phân tích mô hình dự báo dân số và tính toán các yếu tố nhu cầu hiện tại và tương lai cho tỉnh Thái Nguyên từ đề tài “Ứng dụng GIS và bản đồ nghiên cứu

vấn đề dân cư tỉnh Thái Nguyên và Lạng Sơn” chỉ ra, số liệu tính toán dân số của đề tài năm 2025 chỉ cao hơn so với Quyết định 17/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035 là 37.101 người, cho thấy số liệu tương đối sát, sai khác không lớn so với Quyết định 17 [7]. Mặt khác, đề tài sử dụng chuỗi dữ liệu dân số Thái Nguyên trong 10 năm (2009 - 2019) để làm cơ sở dự báo, còn Quyết định 17 tính toán dựa trên số liệu dân số của tỉnh năm 2013.

Dựa trên hệ thống mạng lưới cơ sở giáo dục, y tế đáp ứng quy mô dân số của 3 đô thị (thành phố Thái Nguyên, Sông Công và thị xã Phổ Yên) năm 2009 là 414.967 người và 118.562 hộ gia đình với 216 cơ sở giáo dục và 77 cơ sở y tế các loại. Trong vòng 10 năm sau, quy mô dân số tăng thêm gần 200 nghìn người, tương ứng với 173.434 hộ gia đình, trong khi đó, số lượng cơ sở giáo dục và y tế tăng thêm lần lượt là 50 và 19 cơ sở. Số lượng cơ sở giáo dục và y tế này tăng quá ít so với sự gia tăng dân số tại 3 đô thị đã gây ra áp lực không nhỏ đối với tỉnh Thái Nguyên. Để đáp ứng được với quy mô tăng dân số như dự báo, thì hệ thống cơ sở giáo dục và y tế cũng cần phải tăng thêm 101 cơ sở giáo dục và 35 cơ sở y tế vào năm 2025 và 135 cơ sở giáo dục, 47 cơ sở y tế vào năm 2029.

Đối với nhu cầu về đất ở thì tỉnh Thái Nguyên cần số quỹ đất ở vào các năm 2025 và 2029 lần lượt là 3.522,0 ha và 3.663,5 ha (tính theo số diện tích nhà/đầu người năm 2019: 25,8 m²). Thông qua phân tích ảnh vệ tinh landsat (OLI) 2019 về hiện trạng sử dụng đất Thái Nguyên cho thấy xu hướng dân cư tập trung chủ yếu tại 3 đô thị lớn. Tại 3 khu vực này, dựa trên sự thay đổi mật

độ dân số có thể thấy được xu hướng phát triển của thành phố Thái Nguyên dần sang khu vực thị trấn Chùa Hang và khu vực xã Tân Cương (hồ Núi Cốc); thành phố Sông Công và thị xã Phổ Yên đang có xu hướng phát triển về phía Nam, giáp với địa phận thành phố Hà Nội. Sự phát triển đô thị hoá này có một chút khác biệt so với quy hoạch vùng tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035. Thực tế cho thấy, quá trình đô thị hoá và dân cư phân bố mở rộng theo hướng thành phố Thái Nguyên, một phần huyện Đồng Hỷ, một phần huyện Đại Từ, phát triển dọc theo trục cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên xuống thành phố Sông Công, thị xã Phổ Yên. Trong khi đó quy hoạch vùng tỉnh Thái Nguyên vẫn lấy thành phố Thái Nguyên là trung tâm phát triển, sau đó mở rộng ra bốn phía bao gồm cả huyện Phú Lương, Đồng Hỷ, Đại Từ, thành phố Sông Công, một phần phía tây của huyện Phú Bình, phần phía đông của thị xã Phổ Yên. Đây là một minh chứng rõ ràng nhất của sự biến động dân số trong thời gian ngắn đã tác động thay đổi qui hoạch vùng tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035 [7]. Vì vậy, Thái Nguyên cũng cần nghiên cứu, cân nhắc điều chỉnh qui hoạch vùng tỉnh, quy hoạch quỹ đất ở nhằm mục đích phân bố lại dân cư hợp lý, thuận theo hình thái phát triển hiện nay.

5. Kết luận

Trong giai đoạn từ năm 2009 đến nay, dân số Thái Nguyên đã có những thay đổi về số lượng, chất lượng cũng như về cơ cấu. Cơ cấu dân số thay đổi tích cực góp phần cho việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Để đáp ứng những nhu cầu ngày càng cao của

quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cần có sự phát triển vượt bậc về chất lượng dân số và nguồn lao động nhằm đưa Thái Nguyên trở thành trung tâm kinh tế phát triển của đất nước.

Quá trình đô thị hóa của tỉnh Thái Nguyên diễn ra mạnh mẽ trong thời gian qua. Ngoài những tác động tích cực, quá trình này cũng có những tác động tiêu cực đến dân số và nguồn lao động của tỉnh. Để giải quyết những thách thức và tồn tại của quá trình đô thị hóa, các đô thị cần có những giải pháp trung và dài hạn, như: xây dựng quy hoạch tổng thể, nghiên cứu lập các kế hoạch sử dụng đất lâu dài, thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp với mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả cạnh tranh, nâng cao thu nhập của người nông dân; tập trung đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Tỉnh Thái Nguyên cũng cần lưu ý phát triển quỹ đất ở, cơ sở giáo dục, cơ sở y tế để đáp ứng nhu cầu dân số tăng lên trong thời gian tới, đồng thời có những chính sách hỗ trợ vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, các dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người có công với cách mạng, người khuyết tật để nâng cao chất lượng dân số; xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế lồng ghép các yếu tố dân số trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh nghiên cứu về dân số và phát triển.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2010), *Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2009*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [2] Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2019), *Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [3] Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình Thái Nguyên (2019), *Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 -2019*.
- [4] Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên (2018), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2017*.
- [5] Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên (2019), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2018*.
- [6] Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên (2018), *Kết quả tổng điều tra kinh tế năm 2017 các huyện, thành phố, thị xã tỉnh Thái Nguyên*.
- [7] UBND tỉnh Thái Nguyên (2015), *Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND Về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thái Nguyên đến 2035*.
- [8] <http://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/anh-huong-cua-su-phat-trien-do-thi-hoa-toi-nguoi-dan-tp-song-cong-tinh-thai-nguyen-302579.html>, truy cập ngày 12/7/2020
- [9] <http://baothainguyen.vn/tin-tuc/xa-hoi/nang-cao-doi-song-tinh-than-cho-cong-nhan-lao-dong-khu-cong-nghiep-bai-toan-can-co-loi-giai-235922-85>, html, truy cập ngày 21/7/2020.